

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TIỀN BỘ SÀI GÒN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TIỀN BỘ SÀI GÒN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502421991

**3. Ngày thành lập:** 21/04/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 25 Huỳnh Khương Ninh, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng                                                             | 7020     |
| 2.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Khảo sát xây dựng; Tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình | 7110     |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Nạo vét cảng, kênh, hồ, luồng, lạch, sông                                                                                     | 4390     |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội, ngoại thất; Mua bán thiết bị lắp đặt trong xây dựng        | 4663     |
| 5.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất                                                                                                          | 4330     |
| 6.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                | 0810     |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                              | 4312     |
| 8.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng                                                         | 7120     |
| 9.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                         | 7710     |
| 10. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                          | 4321     |
| 11. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                               | 5610     |
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng                                                                                                 | 4932     |
| 13. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                    | 5210     |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                      | 5222     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                 | 4329     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                                                                                      | 6810        |
| 17. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, đường ống cấp thoát nước, công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, công trình điện đến 35KV.                                                                                                | 4299(Chính) |
| 18. | Xây dựng nhà ở<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4101        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5221        |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5225        |
| 21. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4211        |
| 22. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4212        |
| 23. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Cho thuê máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, khai khoáng, các loại máy có động cơ | 7730        |
| 24. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322        |
| 25. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5510        |
| 26. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7911        |
| 27. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7912        |
| 28. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                        | 7990        |
| 29. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                               | 4661        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức  | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ANH ĐỨC  | Áp 3, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông         | 500.000    | 5.000.000.000         | 25,000    | 271585365                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                       | Tổng số                   | 500.000    | 5.000.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                       |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN ANH DŨNG | Số 111 Tân Sơn Nhì, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 520.000    | 5.200.000.000         | 26,000    | 075062000025                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                       | Tổng số                   | 520.000    | 5.200.000.000         | 26,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                       |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                            |                                                                                                            |                                    |         |               |        |                  |
|---|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | TRƯƠNG<br>PHƯỚC NAM<br>MAI | Số 222 đường<br>30/4, Phường<br>Rạch Dừa, Thành<br>phố Vũng Tàu,<br>Tỉnh Bà Rịa -<br>Vũng Tàu, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500.000 | 5.000.000.000 | 25,000 | 273023867        |
|   |                            |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                            |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                            |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                            |                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                            |                                                                                                            | Tổng số                            | 500.000 | 5.000.000.000 | 25,000 |                  |
|   |                            |                                                                                                            |                                    |         |               |        |                  |
| 4 | NGUYỄN<br>MẠNH<br>THẮNG    | Số 808 đường<br>30/4, Phường 11,<br>Thành phố Vũng<br>Tàu, Tỉnh Bà Rịa<br>- Vũng Tàu, Việt<br>Nam          | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 480.000 | 4.800.000.000 | 24,000 | 0010670075<br>25 |
|   |                            |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                            |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                            |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                            |                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                            |                                                                                                            | Tổng số                            | 480.000 | 4.800.000.000 | 24,000 |                  |
|   |                            |                                                                                                            |                                    |         |               |        |                  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ANH ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 22/12/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 271585365

Ngày cấp: 02/04/2007

Nơi cấp: Công an tỉnh Đồng Nai

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Ấp 3, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Căn hộ PA.08.10, Dìc – Phoenix A, khu trung tâm Chí Linh, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu